

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-PT

Ngày 26-4-2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Danh Đại.

Các Thẩm phán:

Bà Phạm Thị Thông.

Ông Nguyễn Tài Sử.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thành Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 02/2022/TLPT-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*. Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 07/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R’Míl, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2022/QĐ-PT ngày 11 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Tạ Đình S, sinh năm 1981 – Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh Đắk Nông.

- Bị đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1981 – Có mặt;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh Đắk Nông.

Người kháng cáo: Chị Trần Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Tạ Đình S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị H kết hôn năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ5, huyện Đ6, tỉnh Đắk Nông, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống anh và chị H có nhiều mâu thuẫn xảy ra, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, đã

hiều lần nhờ tổ hòa giải của thôn và xã hòa giải nhưng vẫn không thành, anh và chị H đã sống ly thân nhiều năm nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh S làm đơn xin ly hôn với chị Trần Thị H.

Về con chung, Anh và chị H có 2 con chung là cháu Tạ Thị Như Q, sinh ngày 01/3/2007 và cháu Tạ Đình T, sinh ngày 24/5/2008. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh S yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Tạ Thị Như Q, giao cháu Tạ Đình T cho chị Trần Thị H nuôi dưỡng. Tuy nhiên, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh S trình bày trường hợp cháu Q có nguyện vọng ở với mẹ thì anh S cũng đồng ý và anh S đồng ý cấp dưỡng con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/ 01 cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị đồng ý với lời khai của anh S, tuy nhiên nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh S ham chơi bởi, ngoại tình về còn đánh đập chị. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đồng ý ly hôn với anh Tạ Đình S.

Về con chung: Chị và anh S có hai con chung là cháu Tạ Thị Như Q, sinh ngày 01/3/2007 và cháu Tạ Đình T, sinh ngày 24/5/2008, chị yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu anh S cấp dưỡng 1.500.000 đồng/ 01 tháng/ 02 cháu cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án chị không có đơn yêu cầu và chưa nộp tạm ứng án phí.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 07/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Mil, tỉnh Đắk Nông đã tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Tạ Đình S, anh Tạ Đình S được ly hôn với chị Trần Thị H.

Về con chung: Giao cháu Tạ Thị Như Q, sinh ngày 01/3/2007 và cháu Tạ Đình T, sinh ngày 24/5/2008 cho chị Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Tạ Đình S có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Tạ Thị Như Q và Tạ Đình T 1.000.000 đồng/ 01 tháng/ 01 cháu cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quyền thăm nom, quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/3/2022, bị đơn chị Trần Thị H kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án.

Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo chị Trần Thị H. Giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 07/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Mil.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo của chị Trần Thị H, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Trần Thị H làm trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

[2]. Về nội dung

[2.1]. Quan hệ hôn nhân: Quá trình giải quyết vụ án anh S và chị H đều thừa nhận có mâu thuẫn gia đình xảy ra, nguyên nhân là do vợ chồng không còn tình cảm, không yêu thương và bất đồng quan điểm sống, anh, chị đã sống ly thân nhau từ tháng 8 năm 2018. Anh chị đã được chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn ngày càng gay gắt nên không thể quay về sống cùng nhau. Như vậy, thực tế cuộc sống hôn nhân giữa anh S và chị H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh S cho ly hôn với chị H là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh S chị H có hai con chung là Tạ Thị Như Q, sinh ngày 01/3/2007 và cháu Tạ Đình T, sinh ngày 24/5/2008. Hai con chung đều có nguyện vọng ở với mẹ là chị Trần Thị H, mặt khác tại đơn xin xét xử vắng mặt (BL 72) anh S có ý kiến: Nếu con chung ở với chị H thì anh S đồng ý và sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/01 con. Tại phiên tòa sơ thẩm chị H đồng ý trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung và đồng ý để anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/01 con (BL76). Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào nguyện vọng của các con, điều kiện, hoàn cảnh, khả năng nuôi dưỡng và mong muốn của anh S, chị H và giao hai con chung cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là có căn cứ. Tuy nhiên, việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên anh S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 con nhưng không tuyên cụ thể thời gian nào trong tháng và ai là người nhận số tiền cấp dưỡng là chưa đầy đủ nên cấp phúc thẩm sẽ bổ sung nội dung này.

[2.3]. Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung. Tại biên bản lấy lời khai (BL 24) chị H đề nghị được thỏa thuận chia tài sản chung với anh S; biên bản phiên tòa (BL 76) chị H trình bày việc chưa có đơn yêu cầu và chưa làm thủ tục nộp tạm ứng án phí. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết về phần tài sản chung giữa anh S và chị H là phù hợp. Chị H có thể khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung sau khi ly hôn giữa chị và anh S bằng một vụ án khác.

[3]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4]. Từ phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm đã thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Trần Thị H về việc hủy bản án sơ thẩm, giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 07/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Mil.

[5]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị H phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Trần Thị H. Giữ nguyên bản án 07/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Mil, tỉnh Đắk Nông.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tạ Đình S, anh Tạ Đình S được ly hôn với chị Trần Thị H.

2. Về con chung: Giao hai con chung Tạ Thị Như Q, sinh ngày 01/3/2007 và Tạ Đình T, sinh ngày 24/5/2008 cho chị Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành

viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Tạ Đình S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Tạ Thị Như Q, sinh ngày 01/3/2007 và Tạ Đình T, sinh ngày 24/5/2008 mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 cháu. Cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, thời điểm bắt đầu cấp dưỡng kể từ ngày 15/4/2022 cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi. Người nhận tiền cấp dưỡng nuôi con chung là chị Trần Thị H, mẹ đẻ.

4. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Anh Tạ Đình S phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Tạ Đình S đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001983 ngày 03/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ6, tỉnh Đắk Nông; anh Tạ Đình S phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

6. Về án phí phúc thẩm: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000817 ngày 21/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ2, Đắk Nông.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đ2;
- Chi cục THADS huyện Đ6;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, TDS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Bùi Danh Đại

